

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2021
V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ph** - Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Khu V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đoàn Ngọc Th** - Sinh năm 1988

Nơi đăng ký thường trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

Chị Ph và anh Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Ph trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

- Chị và anh Đoàn Ngọc Th tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/10/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh Th tại khu 1, xã Đ, huyện T. Vợ chồng chung sống một thời gian thì mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Th ăn chơi, nghiện ma túy, trộm cắp tài sản. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không giải quyết được nên chị và anh Th đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Còn về phía anh Th thì tháng 10/2020 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đang phải đi chấp hành án

tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Nay Ph chị xác định tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Th.

- Về con chung: Chị Ph trình bày chị và anh Đoàn Văn Th có 02 con chung là Đoàn Mỹ L; sinh ngày 07/9/2010 (hiện đang ở với chị) và Đoàn Quốc Kh; sinh ngày 28/8/2013 (đang ở với bố mẹ đẻ anh Th tại xã Đ, huyện T). Sau khi ly hôn chị Ph yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Ph trình bày chị và anh Đoàn Ngọc Th không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Đoàn Ngọc Th hiện đang chấp hành án phạt tù, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày về việc kết hôn, thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị Ph đã trình bày. Tháng 10/2020 anh phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” bị xử phạt 02 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Do vợ chồng sống ly thân đã lâu đến nay không còn tình cảm vì vậy anh Th cũng yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.

- Về con chung: Anh Th xác nhận anh và chị Ph có 02 con chung là Đoàn Mỹ L; sinh ngày 07/9/2010 (đang ở với chị Ph) và Đoàn Quốc Kh; sinh ngày 28/8/2013 (đang ở với bố mẹ đẻ anh tại xã Đ, huyện T). Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên khi ly hôn anh đồng ý để cho chị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Th xác nhận anh và chị Ph không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Đoàn Ngọc Th đang chấp hành án phạt tù, các đương sự cũng không yêu cầu hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Đoàn Ngọc Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do anh Th nghiện ma túy, nhiều lần vi phạm pháp luật, đã 02 lần bị kết án phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đang phải chấp hành án tại Trại giam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm và mối quan hệ vợ chồng. Cả hai cũng đã không còn sống chung từ nhiều năm, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân. Nay chị Ph, anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Đoàn Ngọc Th đều xác nhận có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn chị Ph yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của mỗi bên thì, anh Th đang phải chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con, bản thân anh Th cũng nhận thức được hoàn cảnh hiện nay của mình nên đồng ý để cho chị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau ly hôn. Do vậy, việc giao các con chung cho chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn sẽ đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của con chung, đáp ứng được nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu nuôi con của chị Ph được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị Ph tự nguyện không yêu cầu và anh Th hiện cũng không có khả năng để cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không buộc anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Ph và anh Đoàn Ngọc Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph là nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự và yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Ph.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị Ph và anh Đoàn Ngọc Th được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Nguyễn Thị Ph được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Đoàn Mỹ L; sinh ngày 07/9/2010 (hiện đang ở với chị Ph) và Đoàn Quốc Kh; sinh ngày 28/8/2013 (hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh Th tại xã Đ, huyện T). Anh Đoàn Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Ph và anh Đoàn Ngọc Th không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Ph đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001743 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Vũ

